



Co-funded by the  
Erasmus+ Programme  
of the European Union



Tên dự án: **Education Hubs for Excellence in Midwifery**

Tên tài liệu: **Gây quỹ SafeMa và kế hoạch phát triển bền vững**

Hình thức: **Báo cáo**

WP/ Task/ Sản phẩm: **WP5/Task 5.3/ D.5.4**

Tác giả: **NKUA**





Co-funded by the  
Erasmus+ Programme  
of the European Union



## Thông tin dự án

Tên viết tắt của dự án: **SafeMa**

Tên dự án: **Education Hubs for Excellence in Midwifery**

Số: **598946**

Chương trình EU: **Erasmus +**

Website của dự án: **[safema-project.eu](http://safema-project.eu)**

**Được thực hiện bởi:**

Tên: **NKUA**

Vai trò: Điều phối dự án

**Approved on behalf of SafeMa Quality Assurance Committee**

**Disclaimer:**

The European Commission's support for the production of this publication does not constitute an endorsement of the contents, which reflect the views only of the authors, and the Commission cannot be held responsible for any use which may be made of the information contained therein.

## Nội dung

Tổng quan .....	<b>Σφάλμα! Δεν έχει οριστεί σελιδοδείκτης.</b>
A. Tính bền vững.....	<b>Σφάλμα! Δεν έχει οριστεί σελιδοδείκτης.</b>
Sự cần thiết của phát triển bền vững .....	<b>Σφάλμα! Δεν έχει οριστεί σελιδοδείκτης.</b>
Khái niệm bền vững .....	5
Tính bền vững trong HEIs .....	6
Hệ sinh trong bối cảnh xã hội .....	<b>Σφάλμα! Δεν έχει οριστεί σελιδοδείκτης.</b>
Thúc đẩy tính bền vững trong các HEI của Việt Nam và Campuchia.....	<b>Σφάλμα! Δεν έχει οριστεί σελιδοδείκτης.</b>
B. Mạng lưới hợp tác .....	<b>Σφάλμα! Δεν έχει οριστεί σελιδοδείκτης.</b>
Mạng lưới hợp tác là gì? .....	9
Xây dựng mạng lưới hợp tác lâu dài như thế nào? .....	<b>Σφάλμα! Δεν έχει οριστεί σελιδοδείκτης.</b>
C. Nguồn tài trợ .....	<b>Σφάλμα! Δεν έχει οριστεί σελιδοδείκτης.</b>
Nguồn tài trợ là gì .....	<b>Σφάλμα! Δεν έχει οριστεί σελιδοδείκτης.</b>
Cách gây quỹ cho các dự án bền vững.....	12
Kết luận .....	<b>Σφάλμα! Δεν έχει οριστεί σελιδοδείκτης.</b>
Tham khảo.....	<b>Σφάλμα! Δεν έχει οριστεί σελιδοδείκτης.</b>

## Tổng quan

Tài liệu này là hướng dẫn hữu ích cho các trường Đại học Châu Á ở Việt Nam và Campuchia, cung cấp thông tin quan trọng về việc phát triển mạng lưới với các bên liên quan (Bộ, hiệp hội hộ sinh, tổ chức phi chính phủ, bệnh viện, v.v.) ở Việt Nam và Campuchia, việc tìm kiếm gây quỹ để tiếp tục phát triển các hoạt động của dự án (đào tạo, cung cấp các khóa học, nghiên cứu cũng như các hoạt động thực hành sẽ đảm bảo và đạt được tính bền vững của các Trung tâm SafeMa. Đào tạo nhân viên hành chính và học thuật (thông qua việc sử dụng tài liệu, ppts, video và các khuyến nghị).

Copyright © SAFEMA Project



This deliverable is licensed under a [Creative Commons Attribution-ShareAlike 4.0 International License](https://creativecommons.org/licenses/by-sa/4.0/). The open license applies only to final deliverables. In any other case the deliverables are confidential.

## A. Tính bền vững

### Sự cần thiết của phát triển bền vững

Sức khỏe tình dục, sinh sản, bà mẹ, trẻ sơ sinh và vị thành niên (SKTDSSBAMTSS) là một thành phần thiết yếu của các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs) năm 2030 (<https://sdgs.un.org/>). Trong khuôn khổ này, đảm bảo sức khỏe sống và nâng cao phúc lợi cho tất cả mọi người là quyền cơ bản của con người, đòi hỏi phải có những hành động hợp tác và hợp tác toàn cầu. Do đó, các vấn đề chuyên đề khác nhau được đưa vào tiêu điểm. Cải thiện lĩnh vực chăm sóc sức khỏe là một trong những chủ đề được SDGs đề cập, nhằm mục đích xóa đói giảm nghèo và các thiếu thốn khác, giải quyết biến đổi khí hậu, cải thiện giáo dục, giảm bất bình đẳng và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Về cải thiện sức khỏe và về SKTDSSBAMTSS có liên quan, phải được đáp ứng các mục tiêu sau:

- I. Tỷ lệ tử vong bà mẹ toàn cầu cần giảm xuống dưới 70 trên 100.000 trẻ sinh sống
- II. Cần loại bỏ tử vong có thể phòng ngừa được ở trẻ sơ sinh và trẻ em dưới 5 tuổi, và tất cả các quốc gia phải hướng tới mục tiêu giảm tỷ lệ tử vong sơ sinh xuống ít nhất là 12 trên 1.000 trẻ đẻ sống và tỷ lệ tử vong dưới 5 tuổi xuống ít nhất là 25 trên 1.000 trẻ sống sinh
- III. Tỷ lệ tử vong sớm do các bệnh không lây nhiễm thông qua dự phòng và điều trị sẽ giảm 1/3
- IV. Tiếp cận phổ cập các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản và tình dục phải được đảm bảo, bao gồm kế hoạch hóa gia đình, thông tin và giáo dục, và lồng ghép sức khỏe sinh sản vào các chiến lược và chương trình quốc gia

Tính bền vững là trọng tâm của chương trình nghị sự toàn cầu cho sự phát triển và tiến bộ. Tăng cường sức khỏe thông qua giáo dục là một yếu tố cơ bản hướng tới bản chất của các mục tiêu phát triển bền vững. Khuyến khích hộ sinh trong các cơ sở Giáo dục Đại học (HEIs) ở Châu Á tạo điều kiện cho trải nghiệm sinh đẻ tích cực, các dịch vụ trước và sau sinh an toàn và hiệu quả, cải thiện kết quả sức khỏe và hỗ trợ tăng trưởng toàn diện và công bằng, tất cả đều góp phần tạo ra tác động tích cực đến kinh tế vĩ mô (UNFPA, 2021).

### Khái niệm về tính bền vững

Tính bền vững là một khái niệm rộng ủng hộ những nỗ lực của con người, thường đạt được thông qua các tổ chức hoặc cơ quan như trường đại học hoặc các tổ chức khác, kết hợp một loạt các nguyên tắc và giá trị linh hoạt với các kết quả có lợi cho cả môi trường cũng như cá nhân và xã hội (De Lange D., 2013). Đó chỉ là sự “chuyển đổi từ suy nghĩ ngắn hạn sang nhìn nhận dài hạn” và chuyển đổi quan điểm rằng các thách thức về môi trường, xã hội và kinh tế không còn là “tách biệt và cạnh tranh” mà là “liên kết và bổ sung” (Đại học Huston). Tính bền vững trong HEI thường gắn liền với mệnh lệnh đạo đức duy nhất là trách nhiệm chuẩn bị

cho thể hệ tiếp theo của các chuyên gia, nhà hoạch định chính sách, nhà lãnh đạo và người ủng hộ có chuyên môn cao (Sterling S. và cộng sự, 2013), do đó tạo điều kiện cho họ phát triển.

Bối cảnh toàn cầu của thực hành bền vững bao gồm quan tâm đến môi trường tự nhiên, ý thức xã hội trao quyền cho cộng đồng cũng như khả năng kinh tế mang lại lợi ích cho cả thể hệ hiện tại và tương lai (De Lange D., 2013). Khi áp dụng cho HEI, tính bền vững thực sự là một vấn đề quan trọng để cải thiện kết quả giáo dục và các tiêu chuẩn học tập cao. Đây cũng là một yếu tố quan trọng hỗ trợ việc ươm mầm kiến thức mới và phổ biến kiến thức chuyên môn và đạt được các mục tiêu giáo dục cao. Ngoài ra, tính bền vững trong bối cảnh HEI bao hàm thách thức trong việc duy trì hồ sơ học thuật cập nhật, tầm nhìn về những thay đổi sáng tạo sẽ thúc đẩy sự cởi mở với các cộng đồng học thuật khu vực và quốc tế và việc tạo ra các công cụ phương pháp sẽ thúc đẩy hơn nữa việc giảng dạy đổi mới. Giáo dục Đại học kết hợp một khía cạnh xã hội, đó là sự trao quyền cho các cá nhân và xã hội (EHEA). Quy trình Bologna, mặc dù được soạn thảo để thúc đẩy hợp tác giữa các HEI châu Âu, dựa trên các nguyên tắc được thừa nhận rộng rãi nhằm hỗ trợ bình đẳng, công bằng, khả năng tiếp cận và hòa nhập vào Giáo dục Đại học (Kurtoğlu, 2016), xem xét các hành động như vậy để duy trì sự gắn kết xã hội và củng cố cơ cấu xã hội, đồng thời ảnh hưởng đến sự đổi mới, nghiên cứu khoa học và tiến bộ.

### Tính bền vững ở các cơ sở giáo dục đại học (HEIs)

Tính bền vững trong các cơ sở Giáo dục Đại học vừa là kết quả thể chế vừa là cơ sở lý luận tổng thể được thúc đẩy thông qua giảng dạy. Thứ hai đề cập đến kiến thức thu được có khả năng ảnh hưởng rộng rãi đến xã hội, cũng như tầm nhìn về việc đạt được các kết quả mang tính xây dựng cho môi trường và bản thân. Các trường đại học và HEI nhìn chung phải hướng tới việc truyền đạt các giá trị và phương pháp thúc đẩy khả năng phục hồi và tiến bộ trong các thách thức xã hội, môi trường hoặc thậm chí cá nhân đương đại và tương lai.

Mặt khác, điều quan trọng là phải xem xét các khía cạnh khác khi mô tả tính bền vững trong HEI, bao gồm hỗ trợ các nhu cầu xã hội và đáp ứng các cơ hội việc làm hiện tại và tương lai. Xét cho cùng, tính bền vững đại diện cho người tạo ra các phạm vi kinh doanh trong tương lai và như vậy các HEI cũng phải tuân theo các mục tiêu cụ thể nhằm thúc đẩy các hoạt động cơ bản của trường Đại học và duy trì hiệu quả của nó. Chương trình giảng dạy tiên tiến, phương pháp học trực tuyến hiện đại, nhiều buổi học thực hành, phát triển MOOC hoặc các tài liệu và chương trình hỗ trợ khác, khả năng thực hiện của sinh viên trong nghiên cứu khoa học, hợp tác với các tổ chức học thuật khác, cung cấp nhiều chương trình đào tạo và tiếp cận với tất cả bằng cấp của HEI và cuối cùng là khả năng tuyển dụng, tóm tắt hồ sơ của HEI bền vững. Hiện tại, tính bền vững được

đo lường bằng một loạt các đánh giá và xếp hạng thường là nghiên cứu chéo, quản lý, tiếp cận và giảng dạy (Xếp hạng Đại học Thế giới) nhưng phần lớn được gắn vào cộng đồng địa phương của họ ở các phạm vi khác nhau.

## Hộ sinh trong bối cảnh xã hội

Tiếp cận chăm sóc sức khỏe ban đầu được cải thiện với trọng tâm là hộ sinh đã được thực hiện trong các lĩnh vực y tế công và tư ở cả Việt Nam và Campuchia, dẫn đến tỷ lệ sinh tăng và giảm tỷ lệ tử vong ở trẻ sơ sinh tại các cơ sở công (womendeliver.org, Hộ sinh trên toàn thế giới) .

Dựa trên các tài liệu hiện có (UNFPA, 2020 và 2017; Ros và cộng sự, 2019; WHO, 2020; Fujita và cộng sự, 2019; Văn Minh và cộng sự, 2016) tỷ lệ phần trăm phụ nữ cao ở cả hai quốc gia có trình độ học vấn thấp hoặc không được tiếp cận đối với các tiện nghi cơ bản, do đặc điểm nông thôn của các quốc gia và nhiều yếu tố chính trị xã hội và kinh tế, do đó dẫn đến công bằng sức khỏe vẫn là một thách thức cần giải quyết. Kiến thức kém về các vấn đề sức khỏe và hậu quả là rào cản trong giao tiếp, điều kiện sống kém đối với phụ nữ sống ở nông thôn, thuộc dân tộc thiểu số hoặc có kinh tế thấp hơn cũng như tác động sâu sắc của truyền thống ảnh hưởng sâu sắc đến quan niệm về cơ thể và chức năng của người phụ nữ là yếu tố quyết định sức khỏe, có tác động đáng kể đến sức khỏe của cả phụ nữ và trẻ em.

Hộ sinh theo nghĩa hiện đại là chăm sóc bà mẹ chưa được áp dụng ở nhiều nước trên thế giới, trong đó có Campuchia và Việt Nam, mặc dù các kỹ năng và thực hành cơ bản đã được thực hiện từ lâu. Đối với cả Campuchia và Việt Nam, trước đây việc chăm sóc bà mẹ trước khi sinh là do những người đỡ đẻ (TBA) truyền thống cho phụ nữ được các thành viên trong gia đình đào tạo qua nhiều thế hệ, không có bất kỳ chứng chỉ chính thức nào (Ros et al., 2019). Do đó, sự phụ thuộc vào các phương pháp truyền thống và thuốc men đã được đưa vào suy nghĩ của người dân địa phương, kéo theo đó là sự thiếu tin tưởng vào sự chăm sóc của các chuyên gia không giống như những người thực hành truyền thống và không tin tưởng. Ngoài ra, những hạn chế về địa lý (tỷ lệ khu vực nông thôn cao và trở ngại đi lại cản trở việc vận chuyển đến các cơ sở đô thị) cũng có thể cản trở khả năng tuyển dụng của các thể hệ tương lai chuyên làm nghề hộ sinh. Tuy nhiên, cả hai quốc gia đều đã có những cải thiện đáng kể về sức khỏe bà mẹ và trẻ em và có bằng chứng cho thấy TBA từ một nguồn được coi là rủi ro và lạc hậu đã được chuyển đổi từ một nguồn hỗ trợ đáng tin cậy.

Hơn nữa, những tiến bộ trong đào tạo hộ sinh có thể nâng cao vai trò của nữ hộ sinh với tư cách là một trong những nhân viên y tế được công nhận tham gia vận động chăm sóc sức khỏe ban đầu, ứng phó với bạo lực đối với phụ nữ và quyền sinh sản và tình dục của họ (UNFPA, 2020). Khi được cấp phép và tích hợp đầy đủ

trong một môi trường thuận lợi, các hộ sinh có thể cứu sống hàng triệu người mỗi năm, tạo cơ sở cho sự thịnh vượng, ổn định kinh tế và tiến bộ trong xã hội. Họ có khả năng cung cấp một loạt các can thiệp lâm sàng, do đó nâng cao tính bền vững vì đạt được các mục tiêu sức khỏe rộng lớn hơn, điều này làm cho nó trở thành một yếu tố rõ ràng để đầu tư.

## Thúc đẩy tính bền vững trong các HEI của Việt Nam và Campuchia

Đào tạo hộ sinh chất lượng cao là điều cần thiết để chuẩn bị cho các nữ hộ sinh cung cấp dịch vụ chăm sóc SKSS / SKTD chất lượng cao. Cân nhắc bối cảnh xã hội nội trú cũng như các yếu tố khác có thể can thiệp vào những tiến bộ học thuật trong giáo dục hộ sinh, đầu tư bền vững là cấp thiết để ủng hộ sự công nhận ngày càng tăng đối với nhân viên y tế trong lĩnh vực này. Bằng chứng nhấn mạnh hướng đi và trình tự phát triển chức năng tương tự của Campuchia và Việt Nam trong phạm vi khung pháp lý cho các chuyên gia y tế có liên quan (Fujita và cộng sự, 2019). Ngoài những lợi ích rõ ràng về tính bền vững của xã hội, như đã mô tả ở trên, một kế hoạch hành động bền vững thúc đẩy hộ sinh trong HEIs cần bao gồm:

Chương trình giảng dạy cập nhật, hấp dẫn, bao gồm các khía cạnh cốt lõi của hộ sinh như chăm sóc và tư vấn trước khi sinh, sinh tại nhà, chăm sóc và tư vấn sau sinh, ngừa thai và phá thai, sảy thai, thăm khám tại nhà sau khi sinh, tư vấn sơ sinh và chuyển tuyến đến các cơ sở y tế tuyến trên.

- Các nghiên cứu tập trung vào nhu cầu quốc gia và cũng phù hợp với luật pháp quốc gia, do đó thu hẹp khoảng cách giữa văn hóa truyền thống và hệ thống y tế.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên di chuyển, hợp tác với các đối tác bên ngoài hoặc các tổ chức địa phương.
- Hợp tác với các HEI trong nước hoặc quốc tế, cũng như các Tổ chức và Chính quyền Toàn cầu, Hiệp hội, Hiệp hội.
- Cơ sở vật chất của trường đại học đáp ứng mong đợi của sinh viên hiện đại.
- Tìm kiếm nguồn tài trợ và hỗ trợ tài chính thông qua các chương trình hoặc dự án quốc gia hoặc quốc tế thúc đẩy bình đẳng giới, vận động phụ nữ, sức khỏe bà mẹ và trẻ em.
- Trao đổi thông tin và chuyên môn thông qua các khóa đào tạo và thúc đẩy các thực hành tốt nhất trong các dịch vụ chuyên nghiệp trong bối cảnh toàn cầu.
- Cơ hội nâng cao năng lực và đào tạo, phát triển các kỹ năng và năng lực mềm.
- Hỗ trợ bình đẳng, công bằng, khả năng tiếp cận và hòa nhập.



## B. Mạng lưới hợp tác

### Mạng lưới hợp tác là gì?

Bắt nguồn từ tiếng Hy Lạp 'syn' (cùng nhau) và 'ergon' (nhiệm vụ, công việc), 'synergy' thúc đẩy các mục tiêu và nguyên nhân chung giữa các tổ chức, công ty hoặc các hình thức hợp tác kinh doanh khác và mang lại "hiệu quả nâng cao là kết quả của sự hợp tác" ( <https://www.etymonline.com/word/synergy>).

Việc thực hiện các mô hình hiệu quả thúc đẩy sự hiệp đồng trong giáo dục là rất quan trọng để giải quyết những thách thức lớn mà xã hội đương đại phải đối mặt (<https://eua.eu>). Khi kiến thức, nghiên cứu và đổi mới được thúc đẩy mạnh mẽ trong các HEI, mối liên kết giữa các viện cả về không gian cũng như theo chiều dọc ngày càng trở nên quan trọng.

Nhiều trường đại học trên thế giới đã thực hiện chuyển đổi mô hình từ đào tạo truyền thống sang đào tạo linh hoạt thông qua các chương trình đào tạo liên kết "kết hợp", tăng cường khả năng di chuyển của cả kiến thức và các cá nhân. Hợp tác giữa các HEI thúc đẩy khả năng cạnh tranh và đào tạo linh hoạt đáp ứng nhu cầu của xã hội, thị trường lao động và ngành (<https://ec.europa.eu/education>), nâng cao các lý tưởng như chủ nghĩa đa văn hóa, xã hội không phân biệt đối xử và bình đẳng, và hỗ trợ các thông lệ tốt của các trường đại học đối tác. Họ cũng truyền bá các phương pháp sư phạm sáng tạo, thúc đẩy tính linh hoạt của chương trình học, tư vấn và hướng dẫn sinh viên, nhằm thúc đẩy khả năng tuyển dụng của sinh viên. Các chương trình thực tập cho sinh viên đại học có thể phát triển hơn nữa các kỹ năng có được, nâng cao năng lực giải quyết vấn đề trong các tình huống thực tế (Diaz và cộng sự, 2015).

Khả năng cạnh tranh toàn cầu cũng đòi hỏi các mối quan hệ đối tác địa phương hoặc toàn cầu mạnh mẽ hơn không chỉ giữa các trường đại học mà còn giữa các HEI và các doanh nghiệp (Gaffikin F., Morrissey M., 2008). Học viện và các ngành công nghiệp có thể hợp tác để thúc đẩy xây dựng năng lực, tăng cường nghiên cứu và phát triển và mang lại lợi ích trong các khía cạnh khác nhau. Tinh thần kinh doanh và đổi mới dựa trên tri thức đang xuất hiện thông qua các mối quan hệ đối tác giữa các tổ chức, do đó chịu ảnh hưởng của thị trường, các xu hướng hiện tại và tương lai của nó, trong một dòng tương tác liên tục. Tiềm năng đổi mới và phát triển kinh tế trong xã hội tri thức đòi hỏi trường đại học có vai trò quan trọng hơn, phối hợp với khu vực tư nhân và chính phủ. Sự hợp lực như vậy giúp tạo ra các định dạng thể chế và xã hội mới để sản xuất, chuyển giao và ứng dụng kiến thức (Etzkowitz và cộng sự 2007). Đổi mới còn được gọi là chuỗi xoắn ba trong Giáo dục Đại học, một mô hình trình bày rõ sự tương tác này ở dạng xoắn ốc, lấy cảm hứng từ chuỗi xoắn kép của DNA vì nó cho phép 'các tổ hợp lại sáng tạo mới theo cách tiến hóa' (Gachie W., 2020) .

Quan hệ đối tác được phát triển giữa các trường đại học và ngành công nghiệp có thể tạo ra các công nghệ và bí quyết mới mà xã hội có thể hưởng lợi từ đó. Hơn nữa, khi các doanh nghiệp liên kết với HEI, có thể cung cấp tài trợ hoặc các phương tiện cần thiết, nhờ đó các trường đại học có thể giảm khoảng cách tài trợ của chính phủ và sự phụ thuộc vào tài sản công. Cung cấp khả năng tiếp cận với các thiết bị khoa học tiên tiến không phải lúc nào cũng có sẵn trong các trường đại học có thể thu hút sinh viên một cách hiệu quả hơn, thiết lập tính hợp pháp của thể chế và tiềm năng tổng thể của họ. Các trường đại học cũng có đặc quyền nâng cao cơ hội việc làm trong tương lai cho sinh viên đại học hoặc sau đại học thông qua kết nối giữa trường đại học và ngành (<https://education.stateuniversity.com>). Hợp lực cũng cần được thúc đẩy với các nhà hoạch định chính sách và các tổ chức y tế quốc tế góp phần tăng cường tính chuyên nghiệp trong các lĩnh vực khác nhau.

### Mạng lưới hợp tác lâu dài được xây dựng như thế nào?

Mạng lưới hợp tác hiệu quả là một mạng lưới hợp tác lâu dài. Tính bền vững là một khía cạnh không thể thay thế của sự hợp tác thành công vì nó đảm bảo các kết quả có lợi cho các thể hệ hôm nay và cho các thể hệ tương lai.

Đặc biệt, như đã giải thích ở trên, đào tạo hộ sinh là điều cần thiết để cung cấp dịch vụ chăm sóc SKSS / SKTD chất lượng cao. Với thực tế rằng nghề này cần được nâng cao hơn nữa và được thừa nhận là một nghề có trách nhiệm và có trách nhiệm, đặc biệt là ở những quốc gia mà nó vẫn chưa được áp dụng theo nghĩa hiện đại, sự hợp tác giữa các viện trong nước hoặc quốc tế có thể thúc đẩy hơn nữa kiến thức, nâng cao kỹ năng, đảm bảo năng lực, và nâng cao sự tinh vi chuyên nghiệp.

Hợp tác lâu dài dựa trên một hoặc nhiều mục tiêu chung. Nâng cao năng lực, phát triển nghiên cứu và thu nhận kiến thức, kinh nghiệm cũng như sự hài lòng khi làm việc cho một nghề nổi bật và được chấp nhận tốt là những yếu tố then chốt dẫn đến sự hợp tác giữa các tổ chức. Hợp tác có thể giúp thu hẹp khoảng cách (Lucia và cộng sự, 2012) khi sự đa dạng lớn về địa lý, dân số và cơ sở vật chất học thuật được thừa nhận, như trường hợp đào tạo hộ sinh ở Việt Nam và Campuchia, giảm bớt sự chênh lệch trong lực lượng lao động y tế, như kiến thức và kinh nghiệm được truyền bá thông qua các mối quan hệ đối tác vững chắc cả trong môi trường học tập và làm việc.

Academia có thể thiết lập hiệp lực với vô số đối tác này bằng cách chấp nhận sự cởi mở, nuôi dưỡng sự đổi mới và bằng cách tạo ra các dự án mới và thú vị có thể được thực hiện trong chương trình nghị sự công cộng, chẳng hạn như các khóa đào tạo, trung tâm hộ sinh mở cho sinh viên, nhà nghiên cứu và học viện. Các hợp

tác quan trọng cũng có thể đạt được thông qua sự tham gia của cộng đồng và bằng cách hỗ trợ các quỹ. Nâng cao nhận thức cũng là điều cấp thiết để thu hút các nhà nghiên cứu và sinh viên tiềm năng, đặc biệt khi các mối quan hệ đối tác liên ngành cũng đang được theo đuổi. Các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức quốc gia và quốc tế làm việc trong lĩnh vực này, kể tên một số đối tác HEIs tiềm năng, có thể nâng cao chất lượng trong giáo dục hộ sinh và thu nhận kỹ năng, nâng cao sự quan tâm, thúc đẩy học tập lâm sàng và thực hành, cuối cùng là nâng cao tính chuyên nghiệp và công nhận.

## C. Tài trợ

### Tài trợ là gì?

Những thách thức hiện tại của hệ thống chăm sóc sức khỏe toàn cầu đòi hỏi nguồn dự trữ và chi tiêu tài chính mạnh mẽ để trang trải các nhu cầu mới nổi. Một phần đáng kể của nền kinh tế và ngân sách được sử dụng để duy trì hoặc cải thiện sức khỏe của người dân (OECD, 2020). Quỹ phúc lợi của Nhà nước chủ yếu dựa vào nguồn thuế và đóng góp lao động, đặc biệt là ở các nước phát triển và đang phát triển. Kể từ khi cộng đồng quốc tế thông qua các Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ (MDGs) vào năm 2000, chi tiêu công cho y tế tăng đều đặn, nhằm đạt được những cải thiện bền vững về kết quả y tế và cung cấp các dịch vụ y tế chất lượng cao (WHO, 2009).

Tuy nhiên, toàn cầu hóa đã ảnh hưởng sâu sắc đến việc phân bổ thu nhập trên toàn cầu, ảnh hưởng đến bất bình đẳng thu nhập và khả năng tiếp cận các cơ sở y tế (Liaropoulos & Goranitis, 2014), cũng như khả năng đáp ứng của các hệ thống y tế địa phương trên toàn thế giới (Orach, 2009).

Theo WHO (2009), các quốc gia cần xác định các cách thức họ có thể được hỗ trợ tốt nhất để trở nên linh hoạt hơn và đáp ứng tốt hơn các nhu cầu và ưu tiên về sức khỏe của chính họ, tìm kiếm cơ hội hợp tác, tối ưu hóa các khoản tài trợ dự phòng và cải thiện kết quả sức khỏe của họ. Trong bối cảnh này, lĩnh vực chăm sóc sức khỏe đòi hỏi các chính sách có thể đảm bảo cung cấp hiệu quả các dịch vụ y tế chất lượng, trong một số trường hợp vượt quá ranh giới của một quốc gia hoặc tiểu bang. Khoảng cách lâu dài và sự bất bình đẳng kinh niên trầm trọng hơn trong các hệ thống chăm sóc sức khỏe đã bộc lộ sâu sắc trong đại dịch Covid-19, cho thấy rằng các chính sách hiệp đồng có thể thúc đẩy đáng kể an ninh y tế toàn cầu và bao phủ sức khỏe toàn dân (Arush et al., 2021). Các hệ thống chăm sóc sức khỏe phân mảnh có thể được hưởng lợi phần lớn từ việc hiệp lực, kích hoạt các cơ chế hiệu quả giữa các tổ chức đa ngành, cả ở cấp độ quốc gia và quốc tế.

Sự kết hợp của các nguồn thu khác nhau có thể tạo ra các cơ hội mới và kết quả chăm sóc sức khỏe tốt hơn. Bằng cách thu hút sự tham gia của các nhà hoạch định chính sách và các bên liên quan chính khác, các ưu tiên chăm sóc sức khỏe chính có thể được đáp ứng, với điều kiện là tăng cường tính minh bạch được đảm bảo về các nhà tài trợ của các dự án chăm sóc sức khỏe có thể tham gia.

Sự hợp tác trong nội bộ và quốc tế được khuyến khích, cùng với sự hỗ trợ về mặt thể chế và học thuật không chỉ về mặt tài chính mà còn về mặt nghiên cứu và đổi mới. Các cộng đồng dễ bị tổn thương và các lĩnh vực y tế cụ thể vẫn còn thiệt thòi như trường hợp hộ sinh ở Việt Nam và Campuchia, có thể được hưởng lợi đáng kể bằng cách thu tiền từ các nhà tài trợ khác nhau, đây là tinh hoa của việc gây quỹ (TASCO, 2011). Các khoản tài trợ bổ sung, đồng tài trợ, hợp tác với các tổ chức xã hội hoặc học thuật chiến lược, sự hợp tác với các viện và Tổ chức được thừa nhận cũng như các cơ sở giáo dục đại học, tư nhân hoặc công lập, hoặc hợp lực hiệu quả thông qua mạng lưới các tổ chức trên toàn thế giới có thể vô cùng bổ ích. Các quỹ của công ty cũng có xu hướng trao các khoản tài trợ cho các cộng đồng hoặc khu vực nơi họ có cơ sở hoặc mối quan tâm đặc biệt, đặc biệt là về địa phương.

## Cách gây quỹ cho sự phát triển bền vững của dự án

Đưa ra đề xuất hợp lý về việc tiếp tục các hoạt động của dự án và duy trì các kết quả của dự án. Điều quan trọng nhất là phải làm rõ rằng dự án sẽ tiếp tục thực hiện và mang lại lợi ích của dự án cho nhóm mục tiêu chính trong một thời gian dài. Một tập hợp các mục tiêu tài trợ thực tế và một chính sách truyền thông tốt là những điều kiện tiên quyết để đảm bảo rằng cả quỹ tổ chức và tư nhân đều có thể được kỳ vọng. Một kế hoạch có cấu trúc tốt sẽ giải thích cặn kẽ về sự cần thiết của việc hỗ trợ hộ sinh an toàn, tác động của việc bảo vệ sức khỏe trước và khi mới sinh đối với tính bền vững của toàn bộ hệ thống chăm sóc sức khỏe và hiệu quả chi phí thu được từ việc phát triển các chiến lược và sự hợp tác là phù hợp với ưu tiên để đạt được các mục tiêu bền vững (Nove et al., 2018). Các quan hệ đối tác chiến lược và đa lĩnh vực cần được theo đuổi.

## Hướng dẫn thực hành về tính bền vững của dự án

### Định nghĩa tính bền vững của dự án

- Một dự án được gọi là bền vững khi có thể đảm bảo được việc tiếp tục sử dụng các kết quả của dự án sau khi hoàn thành dự án.
- Một dự án bền vững khi các khiếm khuyết có thể được sửa chữa, nó có thể đáp ứng các yêu cầu mới, việc bảo trì trong tương lai được thực hiện dễ dàng hơn và nó có thể đối phó với sự thay đổi của môi trường.

### Tại sao chúng ta cần tính bền vững

- Đảm bảo việc sử dụng và phổ biến kiến thức đạt được trong suốt dự án
- Tối đa hóa tác động của nguồn kinh phí được cấp sau khi hoàn thành dự án
- Tối đa hóa tác động của các hoạt động ERASMUS PLUS trong khu vực

### Cách để đạt được tính bền vững

- Bằng cách tổ chức khai thác càng sớm càng tốt
- Bằng cách tạo ra mạng lưới hợp tác với các bên liên quan càng sớm càng tốt
- Bằng cách nâng cao nhận thức trong các quốc gia tham gia càng sớm càng tốt
- Theo dõi tình trạng hoạt động khai thác được mô tả trong đề xuất dự án và thực hiện các điều chỉnh cần thiết

### Các bên liên quan

- Tất cả các đối tác của dự án cũng như các bệnh viện tham gia vào dự án (như được xác định trong đề xuất dự án)

### KỸ NĂNG

- Phổ biến là ưu tiên hàng đầu
- Hợp tác với các dự án đang triển khai là điều tối quan trọng

### TỪNG BƯỚC

- Nói chuyện với các khoa đại học, nói chuyện với bệnh viện, nói chuyện với hiệp hội sinh viên, nói chuyện với các tổ chức phi chính phủ, nói chuyện với các tổ chức quốc tế, nói chuyện với Bộ Y tế

### KẾT NỐI CÁC BÊN LIÊN QUAN VỚI NHAU !!!

### LAN TOẢ THÔNG ĐIỆP CÁC NHU CẦU CỦA ĐÀO TẠO HỘ SINH

- Xác định các nhà đầu tư tiềm năng mà bạn muốn hỗ trợ dự án bằng tài chính và / hoặc hiện vật
- Xác định các nhà tài trợ

## Kết luận

Tính bền vững trong chăm sóc sức khỏe chủ yếu được thúc đẩy thông qua giáo dục, đây vẫn là một trong những yếu tố cơ bản nhất để thực hiện các Mục tiêu Phát triển Bền vững 2030, bao gồm sức khỏe tình dục, sinh sản, bà mẹ, trẻ sơ sinh và vị thành niên (SRMNAH). Trong khuôn khổ này, đào tạo hộ sinh chất lượng cao là điều cần thiết để chuẩn bị cho các hộ sinh cung cấp dịch vụ chăm sóc SKSS / SKTD chất lượng cao. Tuy nhiên, hộ sinh theo nghĩa hiện đại là chăm sóc bà mẹ, vẫn chưa được áp dụng đúng mức ở nhiều nước trên thế giới trong đó có Campuchia và Việt Nam, mặc dù các kỹ năng và thực hành cơ bản đã được thực hiện từ lâu. Bối cảnh xã hội cũng như các yếu tố khác như hạn chế về không gian hoặc sự hoài nghi sâu xa, có thể gây trở ngại cho các chương trình hoặc sáng kiến giáo dục vì trước đây việc chăm sóc bà mẹ và trước khi sinh được cung cấp bởi những người đỡ đẻ truyền thống được các thành viên trong gia đình đào tạo qua nhiều thế hệ, không có bất kỳ chứng chỉ hoặc sự hướng dẫn chính thức nào. Học viện và các trường đại học cần thiết lập quan hệ đối tác toàn cầu không chỉ giữa các trường đại học mà còn giữa các HEI và các doanh nghiệp. Sự hợp tác như vậy giúp tạo ra các định dạng thể chế và xã hội mới để sản xuất, chuyển giao và ứng dụng kiến thức, do đó đóng góp vào tính chuyên nghiệp và sự công nhận của hộ sinh ở cấp quốc gia và quốc tế. Các hệ thống chăm sóc sức khỏe mạnh mẽ, chẳng hạn như ở Việt Nam và Campuchia phần lớn có thể được hưởng lợi từ việc hợp tác và có thể được cải thiện đáng kể bằng cách thu tiền từ các nhà tài trợ khác nhau. Một kế hoạch có cấu trúc tốt sẽ chứng minh kỹ lưỡng sự cần thiết của việc hỗ trợ hộ sinh an toàn, hướng đến các khoản tài trợ, đồng tài trợ, hợp tác với các tổ chức xã hội hoặc học thuật chiến lược, hợp tác với các viện và cơ sở được thừa nhận cũng như các cơ sở giáo dục đại học, tư nhân hoặc công lập và các cơ quan chính phủ có thể thúc đẩy tính bền vững của toàn bộ hệ thống chăm sóc sức khỏe, ưu tiên chăm sóc sức khỏe bà mẹ và thúc đẩy tiềm năng của hộ sinh.

## Tài liệu tham khảo

- Arush et al. (2021), 'Fragmented health systems in COVID-19: rectifying the misalignment between global health security and universal health coverage' *The Lancet*, ISSN: 0140-6736, Vol: 397, Issue: 10268, Page: 61-67 DOI:[https://doi.org/10.1016/S0140-6736\(20\)32228-5](https://doi.org/10.1016/S0140-6736(20)32228-5)
- De Lange D. (2013), "How do Universities Make Progress? Stakeholder-Related Mechanisms Affecting Adoption of Sustainability in University Curricula, *J Bus Ethics* (2013) 118:103–116 - DOI 10.1007/s10551-012-1577-y
- Diaz, P.C. et al. (2015), "A model for effective internship programs: an opportunity for increasing synergies between universities and companies to enhance student learning", *Proceedings of the 2015 Industrial and Systems Engineering Research Conference* S. Cetinkaya and J.K. Ryan, eds.
- Etzkowitz, H. et al. (2007), "The Triple Helix Model of Innovation: University-Industry-Government Interaction." *Tech Monitor* 1: 14–23. <https://pdfs.semanticscholar.org/4bcc/884ed691ff919ae18c974e15b6baeba08e7f.pdf>
- Fujita, N., Matsuoka, S., Koto-Shimada, K. *et al.* Regulation of nursing professionals in Cambodia and Vietnam: a review of the evolution and key influences. *Hum Resour Health* **17**, 48 (2019). <https://doi.org/10.1186/s12960-019-0388-y>
- Gachie W. (2020) Higher education institutions, private sector and government collaboration for innovation within the framework of the Triple Helix Model, *African Journal of Science, Technology, Innovation and Development*, 12:2, 203-215, DOI: 10.1080/20421338.2019.1631120
- Gaffikin F, Morrissey M. A new synergy for universities: Redefining academy as an "engaged institution." *Education, Citizenship and Social Justice*. 2008;3(1):97-116. doi:10.1177/1746197907086721
- Gupta, V. (2021), "Globalized blended education: securing synergies among far flung universities." *SN Soc Sci* 1, 126 (2021). <https://doi.org/10.1007/s43545-021-00142-5>
- Kurtoğlu M. (2016) European higher education policy and the social dimension: a comparative study of the Bologna process, *European Journal of Higher Education*, 6:3, 288-292, DOI: 10.1080/21568235.2016.1164611
- Liaropoulos, L., & Goranitis, I. (2015). Health care financing and the sustainability of health systems. *International journal for equity in health*, 14, 80. <https://doi.org/10.1186/s12939-015-0208-5>
- Lucia Ó. et al. (2012) "Educational opportunities based on the university-industry synergies in an open innovation framework," *European Journal of Engineering Education*, 37:1, 15-28, DOI: [10.1080/03043797.2011.644762](https://doi.org/10.1080/03043797.2011.644762)
- Nove et al. (2028), 'The Midwifery services framework: What is it, and why is it needed?' *Midwifery*, Volume 57, February 2018, Pages 54-58
- OECD (2020), 'Public Funding of Health Care' <https://www.oecd.org/health/Public-funding-of-health-care-Brief-2020.pdf>



Orach C. G. (2009). Health equity: challenges in low income countries. *African health sciences*, 9 Suppl 2(Suppl 2), S49–S51.

Ros, B., Lê, G., Fustukian, S., & McPake, B. (2019). Socio-cultural change in conflict and post conflict settings: five decades of giving birth in Cambodia. *Conflict and health*, 13, 53. <https://doi.org/10.1186/s13031-019-0237-6>

Sterling S. et al. (2013), “The Sustainable University: Progress and Prospects” Routledge, Abingdon, UK, ISBN 9780415627740 - doi: 10.1017/aee.2015.43

TASCO (2011), ‘Fundraising and Accessing EU Funds’

UNFPA (2021), “The State of the World’s Midwifery - Building a health workforce to meet the needs of women, newborns and adolescents everywhere” <https://www.unfpa.org/sites/default/files/pub-pdf/21-038-UNFPA-SoWMy2021-Report-ENv4302.pdf>

UNFPA (2017), “Viet Nam Midwifery Report” [https://vietnam.unfpa.org/sites/default/files/pub-pdf/Web\\_Midwifery\\_Eng.pdf](https://vietnam.unfpa.org/sites/default/files/pub-pdf/Web_Midwifery_Eng.pdf)

Van Minh, Hoang et al.(2016), “Analysis of selected social determinants of health and their relationships with maternal health service coverage and child mortality in Vietnam.” *Global health action* vol. 9 28836. 4 Feb. 2016, doi:10.3402/gha.v9.28836

WHO (2009), ‘Initial Summary Conclusions: maximizing positive synergies between health systems and Global Health Initiatives’

EHEA <https://ehea.info/page-social-dimension>

<https://ec.europa.eu/education/sites/default/files/document-library-docs/european-universities-factsheet-eunice.pdf>

<https://education.stateuniversity.com/pages/2519/University-Industrial-Research-Collaboration.html>

<https://uh.edu/sustainability/about-us/what-is-sustainability>

<https://womendeliver.org/>

<https://www.etymonline.com/word/synergy>

<https://www.unfpa.org/news/cambodian-midwives-hone-skills-save-lives>

Midwifery Around the World <https://medium.com/midwifery-around-the-world/midwifery-in-vietnam-a-closer-look-at-serving-ethnic-minority-communities-7cc86a51cea0>

The World University Rankings <https://www.timeshighereducation.com/content/world-university-rankings>

